

Bản án số: 05/2020/DS - ST

Ngày: 07-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh; ông Mai Đăng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 04/2020/TLST - DS ngày 24/02/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST - DS ngày 21/4/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Th - Sinh năm: 1969 - Địa chỉ: Thôn Đông Kinh (xóm 6 cũ), xã Tr, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị Th1 - Sinh năm: 1977 - Địa chỉ: Thôn Nhân Sơn, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ngày 28/02/2018, chị Th1 có vay của chị Th số tiền 5.000.000đ, để mua xe máy, hẹn đến ngày 28/6/2018 sẽ trả. Ngày 28/3/2018, chị Th1 tiếp tục vay chị Th số tiền 20.000.000đ, để đảo sổ Ngân hàng, hẹn đến ngày 28/10/2018 sẽ trả. Ngày 02/12/2018, chị Th1 tiếp tục vay của chị Th số tiền 78.000.000đ, để mua đất ở, hẹn đến ngày 02/6/2019 sẽ trả. Tổng số tiền chị Th1 vay của chị Th là 103.000.000đ, chị Th1 đã trả được 10.000.000đ, còn lại 93.000.000đ. Đến các lần hẹn trả nợ, chị Th có yêu cầu chị Th1 trả nợ nhưng chị Th1 không chịu trả mà còn có ý dây dưa, trốn tránh. Nay chị Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị Th1 phải trả tổng số tiền gốc là 93.000.000đ và số tiền lãi tính từ tháng 6/2019 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng quy định.

Ý kiến của bị đơn chị Mai Thị Th1 trình bày: Chị thừa nhận có vay của chị Mai Thị Th lần đầu là số tiền 5.000.000đ vào ngày 28/02/2018, hẹn đến ngày

28/6/2018 sẽ trả, nhưng chị đã trả cho chị Th toàn bộ số tiền này trước hẹn, vì tin tưởng chị Th sẽ hủy bỏ giấy vay tiền nên chị không lấy lại giấy vay tiền và cũng không viết giấy trả tiền. Đến ngày 28/3/2018, chị tiếp tục vay chị Th số tiền 20.000.000đ, hẹn đến ngày 28/10/2018 sẽ trả, lãi thỏa thuận miệng là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, nhưng ngày 16/6/2018 mẹ chị đã trả thay cho chị số tiền 10.000.000đ, con chị Th là cháu Mai Đức Dũng nhận thay cho chị Th. Ngày 02/12/2018, chị Th tính với chị số tiền gốc này chưa trả, nên viết giấy nhận nợ gộp lại tổng cả tiền gốc và lãi là 78.000.000đ, thời gian vay 6 tháng, hẹn đến ngày 02/6/2019 sẽ trả cho chị Th, cũng do tin tưởng nên chị cũng không lấy lại giấy nhận nợ số tiền 20.000.000đ. Vì vậy chị chỉ công nhận còn nợ chị Th số tiền 78.000.000đ nhưng chị đã nhờ mẹ trả được 10.000.000đ, nên hiện nay chị chỉ còn nợ chị Th số tiền là 68.000.000đ, chị hẹn chị Th đến tháng 9/2021 sẽ trả dần tiền gốc và lãi tính từ tháng 6/2019 cho đến khi trả hết số tiền gốc theo lãi suất của Ngân hàng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị Th1 phải trả số tiền gốc là 93.000.000đ và lãi tính từ tháng 6/2019 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng quy định còn chị Th1 chỉ chấp nhận trả số tiền gốc là 68.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Mai Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và chị Mai Thị Th1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

[2] Xét ý kiến của nguyên đơn chị Mai Thị Th:

Từ sự quen biết, ngày 28/02/2018 chị Mai Thị Th cho chị Mai Thị Th1 vay 5.000.000đ, hẹn đến ngày 28/6/2018 chị Th1 sẽ trả. Ngày 28/3/2018, chị Th tiếp tục cho chị Th1 vay 20.000.000đ, hẹn đến ngày 28/10/2018 chị Th1 sẽ trả. Ngày 02/12/2018, chị Th tiếp tục cho chị Th1 vay 78.000.000đ. Tổng cộng là 103.000.000đ. Quá trình hòa giải chị Th công nhận chị Th1 đã trả cho chị 10.000.000đ, số tiền gốc còn lại là 93.000.000đ.

Khởi kiện tại Tòa án chị Th đã xuất trình 03 hợp đồng vay tiền, tổng số tiền phù hợp như nội đơn khởi kiện. Các hợp đồng vay tiền đều có ký xác nhận của bên vay, cùng điểm chỉ và chữ viết của chị Th1.

Vì thời hạn vay quá hạn đã lâu, nhiều lần chị Th yêu cầu chị Th1 trả nợ nhưng chị Th1 không trả, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Th1 trả số nợ gốc còn lại cho chị là 93.000.000đ và số tiền lãi do hai bên thỏa thuận thời gian tính từ

tháng 6/2019 đến nay theo mức lãi suất của Ngân hàng quy định là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận xem xét.

[3] Xét ý kiến của bị đơn chị Mai Thị Th1:

Chị Th1 công nhận có vay của chị Th 02 lần: Lần một là 5.000.000đ, lần hai là 20.000.000đ. Chị đã trả cho chị Th số tiền 5.000.000đ; còn số tiền 20.000.000đ, ngày 02/12/2018 chị Th viết giấy vay là 78.000.000đ (tính gộp cả tiền gốc và lãi của số tiền 20.000.000đ), chị đã trả cho chị Th được 10.000.000đ, nên nay chị còn nợ chị Th 68.000.000đ và chị hẹn đến tháng 6/2021 sẽ trả hết chị Th.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Th1 không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì, chị nại rằng những lần trước trả tiền nhưng chị không hủy giấy vay tiền gốc và viết biên nhận đã trả nợ. Lý do này chị Th1 nêu ra không có cơ sở chấp nhận vì chị vay của chị Th nhiều lần, mỗi lần vay đều có hợp đồng vay tiền, lần chị nhờ mẹ chị trả cũng có giấy trả tiền cho nên nếu những lần chị trả tiền cho chị Th thì hai bên không thể không viết giấy biên nhận cho nhau được.

Vì vậy, HĐXX nghĩ cần xử buộc chị Th1 phải trả cho chị Th số tiền gốc là 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất tiền gửi do Ngân hàng nhà nước quy định là $6,5\%/năm = 0,54\%/tháng$, thời gian tính từ tháng 6/2019 cho đến nay (tháng 5/2020) là: $93.000.000đ \times 0,54\%/tháng \times 11 tháng = 5.524.000đ$ (năm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 98.524.000đ (chín mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[4] Về án phí:

Do chị Mai Thị Th1 phải trả toàn bộ số tiền mà chị Mai Thị Th yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị Th không phải chịu án phí DSST nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 BLDS; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th: Buộc chị Mai Thị Th1 phải trả cho chị Th số tiền gốc là 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi là 5.524.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng), tổng cộng là 98.524.000đ (chín mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Th1 phải chịu 4.926.000đ (bốn triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Mai Thị Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.575.000đ (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0010687 ngày 21/12/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Th và chị Th1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu